

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ- ST
Ngày 09/04/2026
“V/v: *Hủy việc kết hôn trái pháp luật*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà và bà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thanh Hóa;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên;

Vào ngày 09 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị C - Sinh năm: 1997

CCCD số: 038197017789 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/6/2021.

HKTT: Bản T, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/03/2026).

- Bị đơn: Anh Phạm Bá K - Sinh năm: 1995

CCCD số: 038095040273 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/12/2021

HKTT: Bản Ta Bán, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Phi H - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt. (Có ý kiến giải quyết vắng mặt tại công văn ngày 20/03/2026).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Bá K được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Tại thời điểm đó chị chưa đủ 18 tuổi (Trên căn cước công dân chị C sinh

ngày 13/12/1997) nhưng vẫn đi đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 vào ngày 24/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại Bản T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Nay là bản T, xã T, tỉnh Thanh Hóa). Tuy nhiên từ năm 2023 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Phạm Bá K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Ngọc N – Sinh ngày 01/07/2015 và Phạm Minh N1 – Sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu N và cháu N1 đang ở cùng với chị C. Nay ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu N1 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2025 bị đơn anh Phạm Bá K trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 anh và chị Hà Thị C được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Tại thời điểm đó chị C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên đã đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 24/08/2015. Sau khi kết hôn, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc tại Bản T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Nay là bản T, xã T, tỉnh Thanh Hóa). Tuy nhiên từ năm 2023 tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đề nghị Toà án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị C.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Ngọc N – Sinh ngày 01/07/2015 và Phạm Minh N1 – Sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu N và cháu N1 đang ở cùng chị C. Nay ly hôn anh K đồng ý giao cháu N và cháu N1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, vợ chồng tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tôi xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cháu Phạm Thị Ngọc N và cháu Phạm Minh N1 đều có nguyện vọng ở cùng mẹ là chị Hà Thị C.

Tại Công văn số 36/UBND-VP về việc đề nghị giải quyết việc huỷ việc kết hôn trái pháp luật ngày 17/02/2026 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hoá có nội dung như sau: Ngày 24/8/2015, chị Hà Thị C và anh Phạm Bá K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá). Qua rà soát, Ủy ban nhân dân xã T nhận thấy do sai sót trong quá trình cung cấp thông tin hộ tịch của phía nguyên đơn nên Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa) đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị C và anh K khi chị C chưa đủ 18 tuổi. UBND xã T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh K và UBND xã T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh K và UBND xã T. Việc chị C chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng vẫn đi đăng ký kết hôn là vi phạm điều cấm của luật. Đây là trường hợp không được hoà giải theo quy định tại khoản 2 điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Chị C, anh K và UBND xã T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228, Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 8, khoản 3 điều 10, điều 11, điều 12, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, khoản 2 điều 206, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị C và anh Phạm Bá K. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc N – Sinh ngày 01/07/2015 và Phạm Minh N1 – Sinh ngày 01/12/2017 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị C và anh K không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về tài sản và công nợ chung: Chị C và anh K không yêu cầu giải quyết cầu nên miễn xét. Về án phí: Chị C thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị C và anh Phạm Bá K đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2015 tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá). Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã

thể hiện: Theo Căn cước công dân chị C sinh ngày 13/12/1997, ngày đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn là ngày 24/8/2015, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Phạm Thị Đ mới 17 tuổi 08 tháng 23 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, không hoà hợp được. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vì thế, từ năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được Trưởng bản Ta Bán và UBND xã T xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Toà án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị C và anh K vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, nên cần xử huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị C và anh Phạm Bá K là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị C và anh K có 02 con chung tên là là Phạm Thị Ngọc N – Sinh ngày 01/07/2015 và Phạm Minh N1 – Sinh ngày 01/12/2017, hiện các cháu đều đang ở với chị C. Nay ly hôn, chị C có nguyện vọng nuôi cháu N và cháu N1 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh K đồng ý giao cháu N và cháu N1 cho cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu N và cháu N1 đều có nguyện vọng ở cùng mẹ. Xét hoàn cảnh thực tế, hiện các cháu đều đang ở cùng chị C và được chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu N và cháu N1 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của các con và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị C và anh K không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị C và anh K không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị C thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 8, khoản 3 điều 10, điều 11, điều 12, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, khoản 2 điều 206, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hà Thị C và anh Phạm Bá K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 24/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hoá).

Về con chung: Giao con chung là các cháu Phạm Thị Ngọc N – Sinh ngày 01/07/2015 và Phạm Minh N1 – Sinh ngày 01/12/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Bá K1 có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Hà Thị C.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị C, anh K1 và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hoá. Chị Hà Thị C, anh Phạm Bá K và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hoá có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- TAND T.Thanh Hóa;
- THADS T.Thanh Hóa;
- UBND X.Trung Sơn, T.Thanh Hoá.
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Lan

Phan Thị Mấy

Phạm Văn Hùng